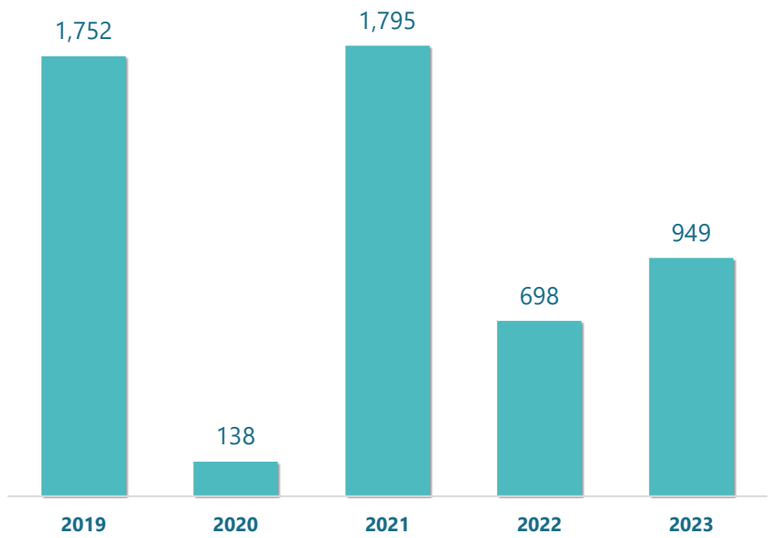
# CTCP Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

FireAnt

| Ngày 29/12/2023 | 9,100 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | **2.2%** | **8.3%** | **3.4%** |

| | |
|---|---|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 6,960 - 9,800 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 36 |
| Số lượng CPLH (CP) | 3,950,900 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 435 |
| Sở hữu nước ngoài | 3.3% |
| Beta | 0.31 |
| EPS | |
| P/E | |

## EPS




*(Nguồn: fireant.vn)*

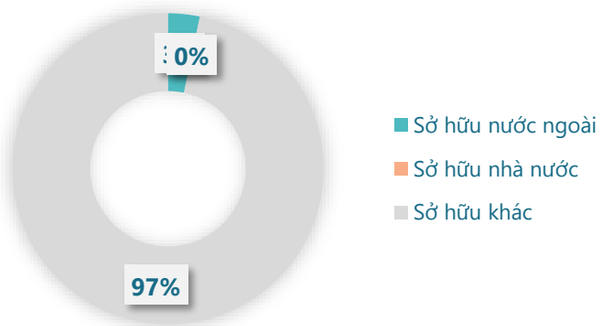
**DT thuần**
*2023*
**88.6**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼2.30| -2.5%

**LN trước thuế**
*2023*
**4.84**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 1.33| 37.8%

**LN sau thuế**
*2023*
**3.75**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 0.99| 36.0%

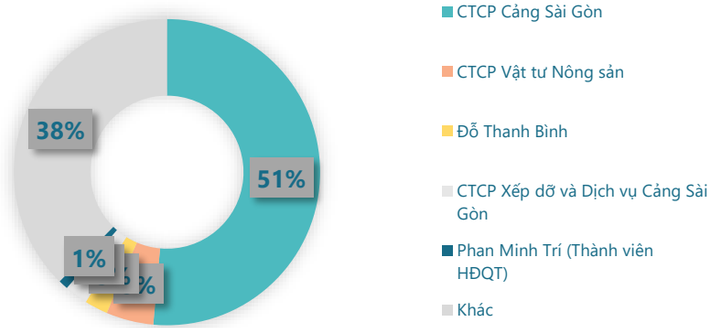
**ROE**
2023
**5.2%**
+/- YoY: ▲ 1.4%

## Cơ cấu sở hữu



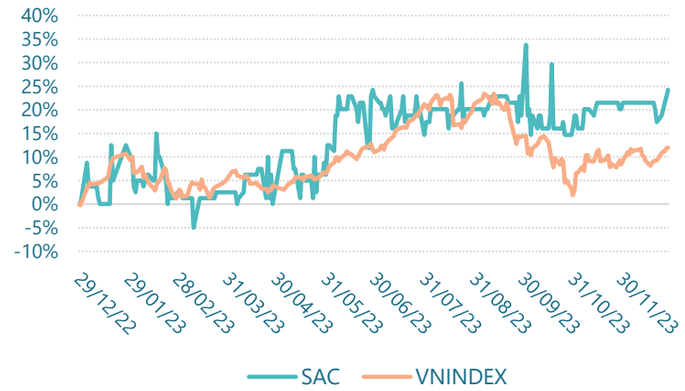

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

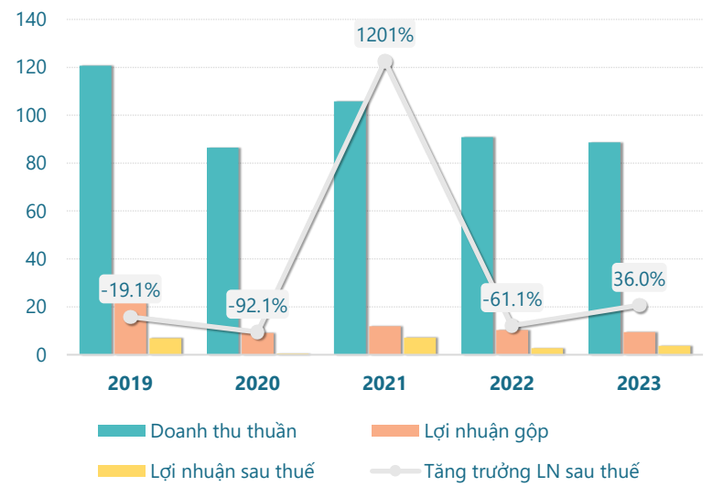
## Tỷ suất lợi nhuận



# CTCP Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

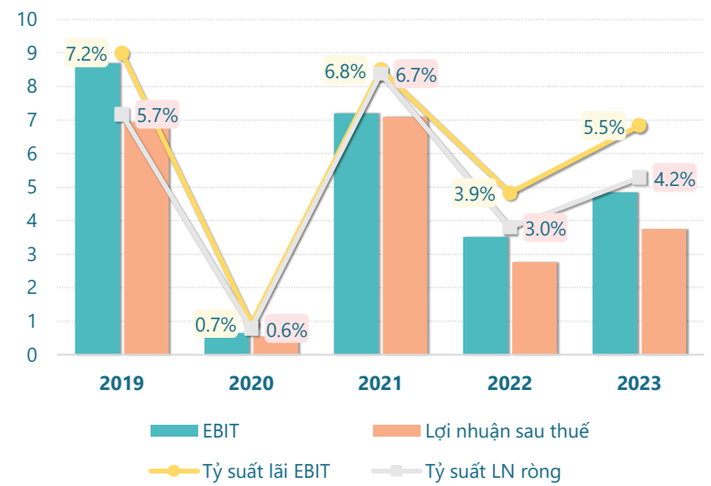
FireAnt

## Kết quả kinh doanh



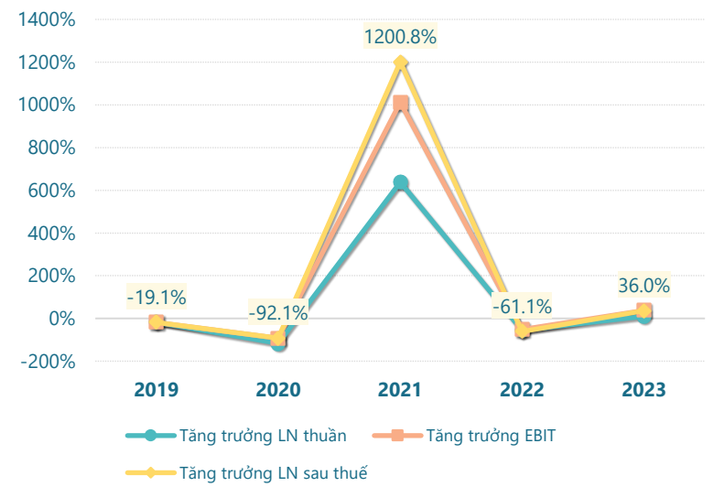

(Nguồn: fireant.vn)

## EBIT - Lợi nhuận sau thuế



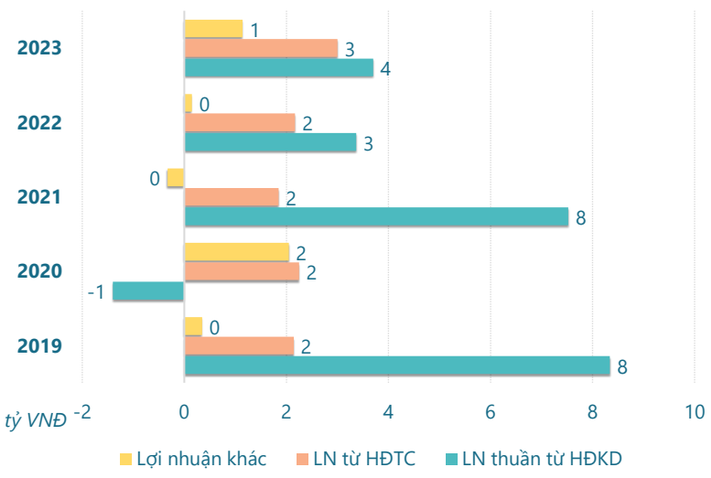

(Nguồn: fireant.vn)

## Tăng trưởng lợi nhuận



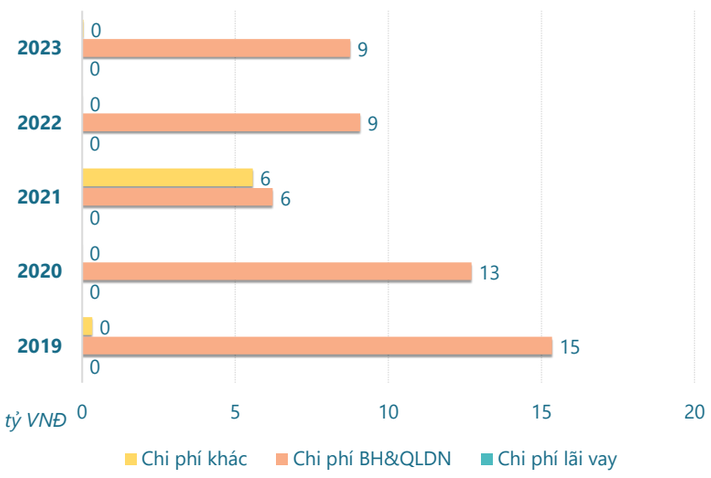

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu lợi nhuận



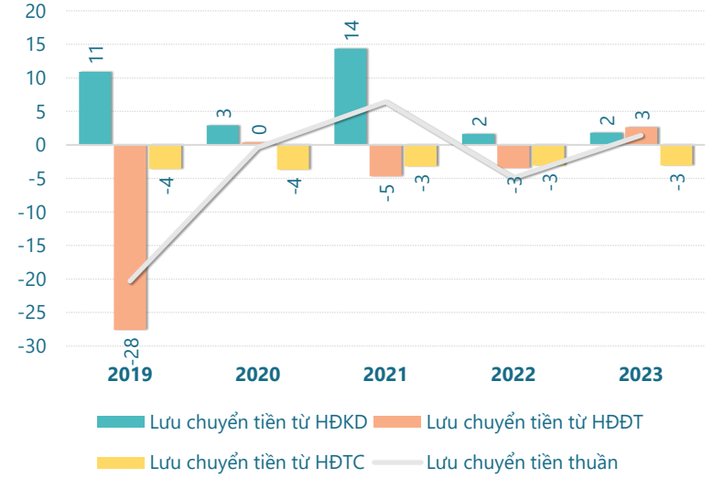

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu chi phí




(Nguồn: fireant.vn)

## Lưu chuyển tiền

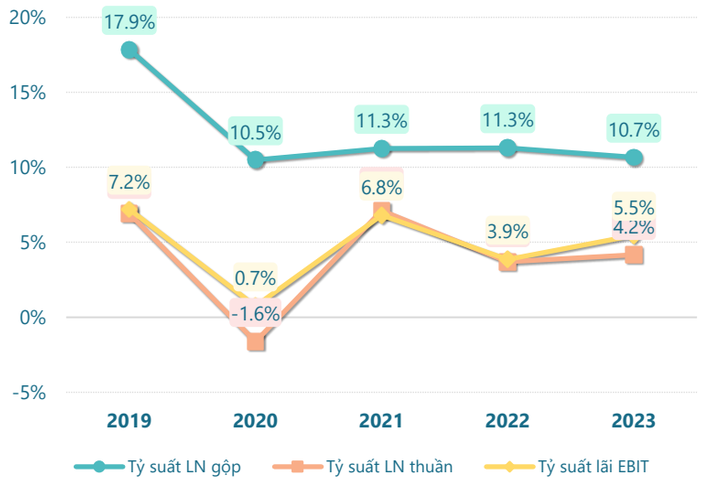



(Nguồn: fireant.vn)

# CTCP Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

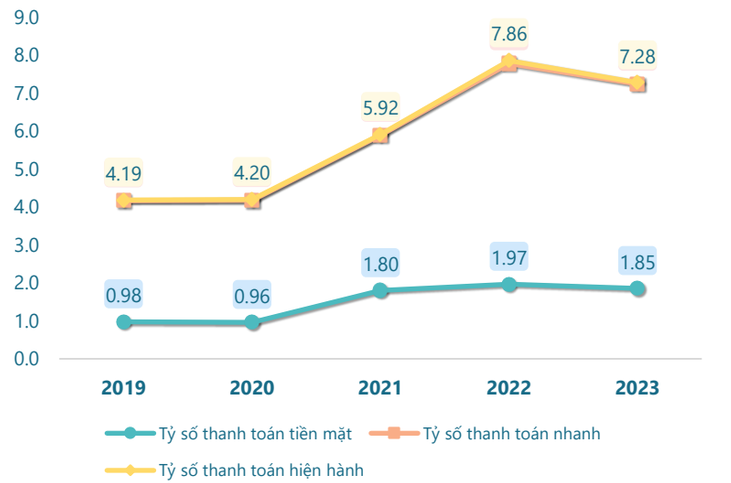
FireAnt

## Tỷ suất lợi nhuận




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản



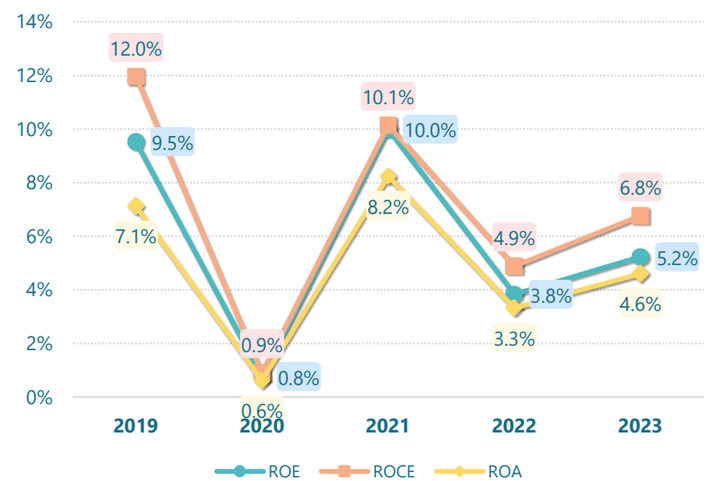

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



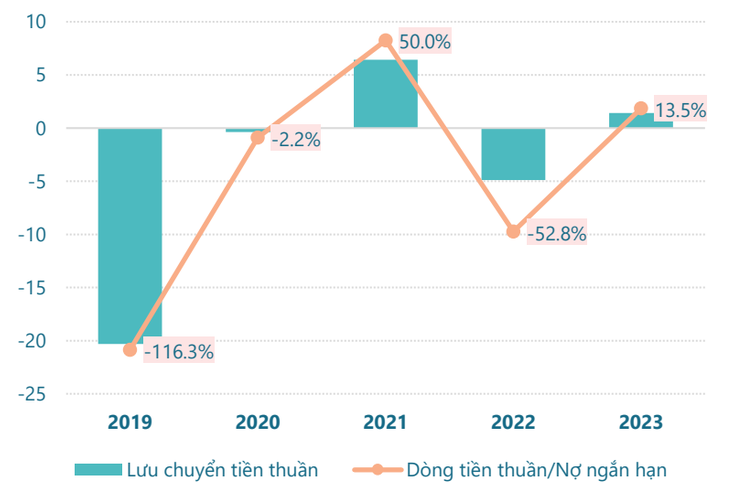

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



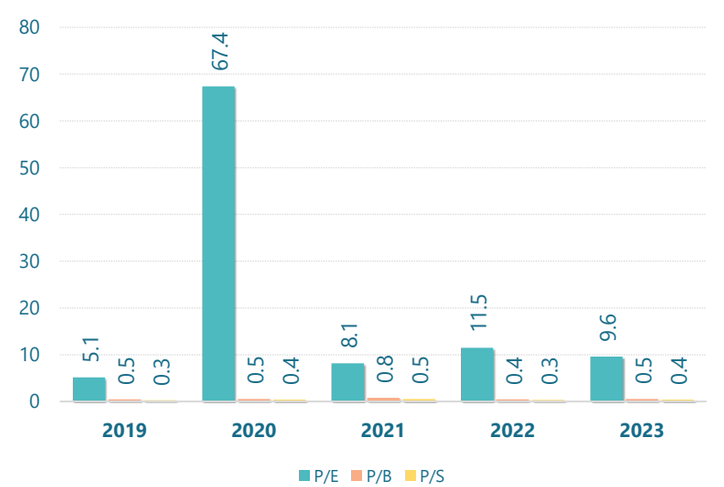

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nhóm chỉ số định giá




*(Nguồn: fireant.vn)*